

CHƯƠNG TRÌNH CÁC KHÓA HỌC QUÝ 3 NĂM 2025

A. LĨNH VỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày	Tháng 7/2025	Tháng 8/2025	Tháng 9/2025	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
1.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015	CL02	03	09÷11	06÷08	10÷12	3.500.000 đ
2.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015	CL03	03	23÷25	20÷22	24÷26	3.500.000 đ
3.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015	CL07	03	07÷09	-	-	3.500.000 đ
4.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015	CL08	03	-	13÷15	-	3.500.000 đ
5.	Xây dựng & áp dụng hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp theo ISO 45001:2018	CL09	03	02÷04	-	-	3.500.000 đ
6.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018	CL10	03	-	04÷06	-	3.500.000 đ
7.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017	CL11	03	14÷16	11÷13	15÷17	3.500.000 đ
8.	Kỹ năng quản lý Chất lượng và quản lý Kỹ thuật của Phòng Thí nghiệm	CL11 - 2	02	21÷22	28÷29	29÷30	2.500.000 đ
9.	Quy tắc ra quyết định và tuyên bố phù hợp theo yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017	CL11- 4	02	-	-	18÷19	2.500.000 đ
10.	Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017	CL12	03	28÷30	25÷27	22÷24	3.500.000 đ
11.	Xây dựng & áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo HACCP Codex 2020	CL13	03	16÷18	-	-	3.500.000 đ
12.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý an toàn Thực phẩm theo ISO 22000:2018	CL15	03	-	13÷15	-	3.500.000 đ
13.	Xây dựng & áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng cho hoạt động của các loại hình tổ chức tiến hành giám định theo TCVN ISO 17020:2012	CL37	03	23÷25	-	08÷10	3.500.000 đ
14.	Nhận thức về Phương pháp xác định và Báo cáo phát thải Khí nhà Kính theo ISO 14064-1:2018	CL41	02	31/7 ÷ 01/8		-	3.600.000 đ

CHƯƠNG TRÌNH CÁC KHÓA HỌC QUÝ 3 NĂM 2025

B. LĨNH VỰC CÁC CÔNG CỤ/ KỸ THUẬT QUẢN LÝ

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 7/2025	Tháng 8/2025	Tháng 9/2025	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
15.	Thực hành 5S	NS01	02	-	-	04÷05	2.600.000 đ
16.	Các công cụ thống kê dùng cải tiến/ kiểm soát chất lượng	NS03	03	-	25÷27	-	3.500.000 đ
17.	Kỹ năng quản lý của Quản đốc & Tổ trưởng	NS09	03	28÷30	-	22÷24	3.500.000 đ
18.	Duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM)	NS12	03	-	04÷06	-	3.500.000 đ
19.	Sản xuất Tinh gọn (Lean Manufacturing)	NS18	03	-	-	29/9 ÷ 01/10	3.500.000 đ
20.	Đảm bảo và cải tiến hệ thống chất lượng (QA/QC)	NS23	04	-	25÷28	-	4.000.000 đ
21.	Kỹ năng quản lý sản xuất và chất lượng toàn diện	NS 35	02	-	07÷08	-	2.600.000 đ

C. LĨNH VỰC ĐO LƯỜNG VÀ NGHIỆP VỤ

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 7/2025	Tháng 8/2025	Tháng 9/2025	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
22.	Hiệu chuẩn các dụng cụ đo nhiệt độ	KT 01	04	-	11÷14	-	4.200.000 đ
23.	Giới thiệu phương pháp Hiệu chuẩn các phương tiện đo nhiệt độ nâng cao (nhiệt kế điện trở platin công nghiệp theo ĐLVN 125, cặp nhiệt điện công nghiệp ĐLVN 160, thiết bị chỉ thị hiện số và tương ĐLVN 161) 	KT 01 NC	03	-	-	10÷12	4.000.000 đ
24.	Hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế không khí	KT01-1	02	24÷25	-	-	3.400.000 đ
25.	Hiệu chuẩn các dụng cụ đo áp suất	KT 02	04	-	19÷22	-	4.200.000 đ
26.	Hiệu chuẩn và đánh giá độ chính xác các loại bộ chuyển đổi đo nhiệt độ và đo áp suất	KT 03	05	-	-	22÷ 26	6.600.000 đ
27.	Hiệu chuẩn các dụng cụ đo điện thông dụng	KT04	04	28÷31	-	-	4.200.000 đ
28.	Hiệu chuẩn cân không tự động cấp chính xác I & II (cân phân tích và cân kỹ thuật)	KT 05	04	-	05÷08	-	4.200.000 đ
29.	Hiệu chuẩn phương tiện đo thể tích thí nghiệm (gồm các loại Pipet, buret, dụng cụ thể tích bằng thủy tinh)	KT06	04	-	-	16÷ 19	4.200.000 đ
30.	Hiệu chuẩn dụng cụ đo độ dài thông dụng	KT07	04	-	26÷ 29	-	4.200.000 đ
31.	Hiệu chuẩn các phương tiện đo lực (lực kế cơ, cảm biến lực) và máy thử lực	KT 08	03	21÷ 23	-	-	3.600.000 đ

CHƯƠNG TRÌNH CÁC KHÓA HỌC QUÝ 3 NĂM 2025

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 7/2025	Tháng 8/2025	Tháng 9/2025	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
32.	Hiệu chuẩn dụng cụ đo lường Phòng thí nghiệm	KT09	04		-	08÷ 11	4.200.000 đ
33.	Hiệu chuẩn cân không tự động cấp chính xác III & IV (cân đồng hồ lò xo, cân bàn và cân treo)	KT 10	04	28÷31		-	4.200.000 đ
34.	Kiến thức cơ bản về đo lường, hiệu chuẩn và kiểm định các phương tiện đo	KT11	03	-	-	03÷05	3.600.000 đ
35.	Phương pháp hiệu chuẩn, kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng chất lỏng dùng trong công nghiệp	KT 13	04	-	04÷07		6.000.000 đ
36.	Hiệu chuẩn thiết bị đo độ nhớt	KT 14	03	Sẽ thông báo thời gian và địa điểm cụ thể sau khi có đủ học viên đăng ký			5.000.000 đ
37.	Hiệu chuẩn thiết bị đo nồng độ khí 	KT 15	03				5.000.000 đ
38.	Hiệu chuẩn các thiết bị đo độ nước: COD, pH, DO, điện dẫn, đo màu	KT 16	04				5.500.000 đ
39.	Hiệu chuẩn thiết bị đo tỉ trọng 	KT 17	02				3.400.000 đ
40.	Đo độ nhám và hiệu chuẩn máy đo độ nhám 	KT 19	03				4.000.000 đ
41.	Dưỡng ren trong, dưỡng ren ngoài và phương pháp hiệu chuẩn dưỡng ren.	KT 20	03	-	-	03÷ 05	4.600.000 đ
42.	Đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm	NV 02	03	-	18÷ 20		3.600.000 đ
43.	Xác nhận giá trị sử dụng phương pháp thử (Phê duyệt phương pháp thử) lĩnh vực hóa lý	NV 03	03	-	-	15 ÷ 17	3.600.000 đ
44.	Tính toán độ không đảm bảo đo trong đo lường, đánh giá sự phù hợp của phương tiện đo và phê duyệt phương pháp hiệu chuẩn	NV 04	03	23 ÷ 25	-	-	3.600.000 đ
45.	Tính toán độ không đảm bảo đo cho kết quả thử nghiệm <i>hóa lý</i>	NV 05	03	-	13 ÷ 15		3.600.000 đ
46.	Hướng dẫn xác nhận giá trị sử dụng và tính toán độ không đảm bảo đo các phương pháp phân tích vi sinh trong Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi	NV06	03	Sẽ thông báo thời gian và địa điểm cụ thể sau khi có đủ học viên đăng ký			3.600.000 đ

CHƯƠNG TRÌNH CÁC KHÓA HỌC QUÝ 3 NĂM 2025

D. LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH

Số TT	Nội dung khóa đào tạo	Mã lớp	Số ngày ĐT	Tháng 7/2025	Tháng 8/2025	Tháng 9/2025	Học phí (đồng) 01 HV/01 khóa
47.	Kỹ thuật phân tích Vi sinh trong thực phẩm (8 chỉ tiêu cơ bản của Bộ y tế)	TN 01	05	Sẽ thông báo thời gian và địa điểm cụ thể sau khi có đủ học viên đăng ký Hoặc đào tạo kèm cấp tại đơn vị / tổ chức / phòng thí nghiệm Trung tâm Kỹ thuật 3			4.500.000 đ
48.	Kỹ thuật phân tích các chỉ tiêu/ thông số cơ bản (pH, màu, mùi/vị, Độ đục, Clo tự do, Clo tổng) trong nước sạch cho mục đích sinh hoạt.	TN 12	04				4.900.000 đ
49.	Kỹ thuật phân tích một số chỉ tiêu kim loại nặng trong nước thải và nước sạch	TN 13-1	04				4.900.000 đ
50.	Kỹ thuật phân tích hàm lượng vàng trong mẫu trang sức. Hướng dẫn xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử hàm lượng vàng 	TN 29	03				4.000.000 đ
51.	Kỹ thuật phân tích dầu diesel (DO) và dầu fuel (FO).	TN 25	05				4.500.000 đ
52.	Kỹ thuật phân tích sản phẩm nhớt	TN 26	07				5.500.000 đ
53.	Thử tính chất cơ lý thép mối hàn: thép kết cấu, thép bê tông và mối hàn	TN 14	02				3.400.000 đ
54.	Thử nghiệm cấu trúc và thành phần hóa kim loại	TN 15	02				3.400.000 đ
55.	Thử nghiệm thép xây dựng	TN49	04				4.000.000 đ

Ghi chú:

Giờ học: Từ 8h00 đến 16h30 mỗi ngày.

Địa điểm học: Địa điểm học cụ thể của từng khóa sẽ thông báo trước ngày tổ chức 05 ngày.

Phí ưu đãi: giảm 10% phí tham dự cho các đơn vị có từ 03 người tham dự trở lên trong 01 khóa đào tạo.

Quý Tổ chức/Doanh nghiệp và Cá nhân đăng ký tham dự khóa đào tạo, vui lòng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi được Ban tổ chức xác nhận mở lớp.